

NGHIÊN CỨU ĐẶC TÍNH SINH TRƯỞNG CỦA GÀ AI CẬP GIAI ĐOẠN TỪ 1 NGÀY ĐẾN 15 TUẦN TUỔI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Đoàn Thị Thùy Linh

Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Gà Ai Cập là giống gà được thị trường ưa chuộng do trứng có chất lượng tốt, thơm, ngon, tỷ lệ lòng đỏ cao, vỏ trứng màu trắng hồng, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Thí nghiệm được tiến hành nhằm đánh giá khả năng sinh trưởng của gà Ai cập giai đoạn 1 ngày đến 15 tuần tuổi tại Trường Đại học Tây Bắc, góp phần phát triển mạnh nhóm gà này trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cho thấy, gà ở 15 tuần tuổi tỷ lệ nuôi sống gà Ai Cập tương đối cao (96,00%); khối lượng đạt 1402,56 g, tiêu tốn thức ăn trung bình giai đoạn 1-15 tuần tuổi là 3,40 kg TA/kg tăng khối lượng.

Từ khóa: sinh trưởng, gà Ai Cập, tiêu tốn thức ăn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Gà Ai Cập được nuôi tại Việt Nam từ năm 1997 và đã được công bố là giống thuần. Giống gà Ai Cập có tỷ lệ nuôi sống cao, sức sống tốt phù hợp với khí hậu Việt Nam. Năng suất trứng/mái/65 tuần tuổi là 176,67 quả; tiêu tốn thức ăn/10 trứng là 2,0kg. Trứng gà Ai Cập có chất lượng tốt, thơm, ngon, tỷ lệ lòng đỏ là 32%, vỏ trứng màu trắng hồng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng (Nguyễn Quý Khiêm và nnk, 2020 [4], Trần Kim Nhân và nnk, 2010 [6]). Giống gà Ai Cập thích nghi tốt với các điều kiện tập quán, chăn nuôi khác nhau: nuôi thả vườn, nuôi công nghiệp, bán công nghiệp, chính vì thế hiện nay, giống gà này được nuôi ở nhiều địa phương trên cả nước.

Trong những năm gần đây, tình hình chăn nuôi gia cầm nói chung và chăn nuôi gà nói riêng ở nước ta ngày càng phát triển. Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê, tình hình chăn nuôi gà của cả nước vào đầu năm 2021 có tổng số gà là 409.500 nghìn con, số con xuất chuồng 754.214 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 1.464.917,8 tấn, sản lượng trứng đạt 11.070.205 nghìn quả. Chăn nuôi gà ở tỉnh Sơn La mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, nhưng mức độ đóng góp vào tổng sản lượng chăn nuôi gà cả

nước còn rất ít. Thống kê đầu năm 2021 tổng số gà là 5.869 nghìn con, chiếm 1,43% so với cả nước; số con xuất chuồng 6.400 nghìn con, chiếm 0,85% so với cả nước; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 10.866,0 tấn, chiếm 0,74% so với cả nước; sản lượng trứng đạt 74.172 nghìn quả, chiếm 0,67% so với cả nước. Vì vậy, cần đặc biệt quan tâm phát triển chăn nuôi gà trên địa bàn tỉnh Sơn La. Để đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của gà Ai Cập trong điều kiện bán chăn thả tại Sơn La, chúng tôi tiến hành đề tài "**Nghiên cứu đặc tính sinh trưởng của gà Ai Cập giai đoạn từ 1 ngày đến 15 tuần tuổi tại trường Đại học Tây Bắc**".

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Đối tượng: Giống gà Ai Cập từ 1 ngày đến 15 tuần tuổi.

- Địa điểm nghiên cứu: Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ, trường Đại học Tây Bắc

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 12/2020- tháng 5/2021

2.2. Nội dung nghiên cứu

- Đánh giá chỉ tiêu sinh trưởng của gà Ai Cập giai đoạn từ 1 ngày đến 15 tuần tuổi

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá khả năng sinh trưởng của đàn gà Ai Cập, nghiên cứu tiến hành nuôi 3 đàn gà, mỗi đàn 100 con từ giai đoạn mới nở đến 15 tuần tuổi. Tất cả gà được đảm bảo tính đồng đều về các yếu tố, tính biệt, thức ăn, quy trình nuôi dưỡng chăm sóc, cung cấp cho gà đầy đủ thức ăn, nước uống tự do, được tiêm phòng đầy đủ vaccine theo đúng quy trình.

Các chỉ tiêu theo dõi và cách tính các chỉ tiêu theo dõi theo phương pháp của Bùi Hữu Đoàn và mnk (2011) [1].

- *Tỷ lệ nuôi sống*: theo dõi trên tổng số 300 con chia làm 3 lần lặp, mỗi lần 100 con, theo dõi trong 15 tuần tuổi để xác định tỷ lệ nuôi sống qua các giai đoạn (%).

Bảng 1: Sơ đồ bố trí thí nghiệm

Lô thí nghiệm	Lô 1		Lô 2		Lô 3	
Giai đoạn sinh trưởng	1 ngày -3 tuần	4-15 tuần tuổi	1 ngày -3 tuần	4-15 tuần tuổi	1 ngày -3 tuần	4-15 tuần tuổi
Số lượng	100	100	100	100	100	100
Thức ăn hỗn hợp	Hoàn chỉnh dreamgold 21% Protein	Hoàn chỉnh dreamgold 20% Protein	Hoàn chỉnh dreamgold 21% Protein	Hoàn chỉnh dreamgold 20% Protein	Hoàn chỉnh dreamgold 21% Protein	Hoàn chỉnh dreamgold 20% Protein
Phương thức chăn nuôi	Nuôi nhốt	Bán chăn thả	Nuôi nhốt	Bán chăn thả	Nuôi nhốt	Bán chăn thả
Mật độ nuôi	8con/m ²		8con/m ²		8con/m ²	
Mật độ bãi thả		1con/1m ²		1con/1m ²		1con/1m ²

- *Sinh trưởng tích lũy* được xác định qua khối lượng của gà ở mỗi tuần tuổi. Cân định kỳ 7 ngày/lần, cân vào buổi sáng sớm trước khi cho ăn. Xác định khối lượng gà bằng cân phân tích (gà 1-4 tuần tuổi) và cân NHơn Hòa 1kg (gà từ 5 tuần tuổi)

- *Sinh trưởng tuyệt đối (g/con/ngày)* được tính bằng công thức: $A = (P2 - P1)/t$

Trong đó: A là sinh trưởng tuyệt đối (g/con/ngày), P1 là khối lượng cơ thể cân lần trước (g), P2 là khối lượng cơ thể cân lần sau (g), t: là thời gian giữa hai lần cân (ngày)

- *Sinh trưởng tương đối (%)* được tính theo công thức: $R (\%) = (P2 - P1)/(P2 + P1) \times 100$. Trong đó: R là sinh trưởng tương đối (%),

P1 là khối lượng cơ thể cân lần trước (g); P2 là khối lượng cơ thể cân lần sau (g)

- *Lượng thức ăn thu nhận (LTATN) (g/con/ngày)*: vào buổi sáng mỗi ngày cân chính xác lượng thức ăn đổ vào máng, đến đúng giờ đó sáng hôm sau vét sạch thức ăn thừa trong máng đem cân để xác định lượng thức ăn tiêu thụ trong ngày (g). LTATN được tính theo công thức:

$$\text{Lượng Thức ăn thu nhận (g/con/ngày)} = \frac{\text{tổng thức ăn tiêu thụ trong ngày (g)}}{\text{tổng số gà trong tuần}}$$

- *Tiêu tốn thức ăn (TTTA)* được tính theo công thức:

$$\text{Tiêu tốn thức ăn (kg TA/kg tăng KL)} =$$

(tổng số lượng thức ăn tiêu thụ trong tuần(kg))
/(tổng khối lượng của đàn gà tăng trưởng tuần (kg))

2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được xử lý theo phương pháp thống kê sinh học trong chăn nuôi.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tỷ lệ nuôi sống gà Ai Cập qua các tuần tuổi tại trường Đại học Tây Bắc

Tỷ lệ nuôi sống (TLNS) là chỉ tiêu quan trọng phản ánh sức sống, tình trạng sức khỏe, khả năng chống đỡ bệnh tật, khả năng thích nghi với điều kiện ngoại cảnh của gia cầm. Kết quả theo dõi TLNS của đàn gà Ai Cập nuôi tại Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ, trường Đại học Tây bắc giai đoạn từ 1 ngày tuổi đến 15 tuần tuổi được thể hiện ở Bảng 2.

Qua bảng 2, ta nhận thấy TLNS gà Ai Cập trung bình ở cả 3 lô thí nghiệm khá cao, ở

giai đoạn 1 ngày tuổi đến 1 tuần tuổi, TLNS đạt giá trị 99,33%, giai đoạn 2-3 tuần tuổi, TLNS đạt 98%, từ giai đoạn 3-4 tuần tuổi trở đi, TLNS ổn định đạt giá trị 96%. Số gà chết chủ yếu tập trung ở giai đoạn từ 1 ngày tuổi đến 3 tuần tuổi, điều này được lý giải do ở giai đoạn này, sức đề kháng của gà con còn yếu, rất nhạy cảm với tác động của môi trường bên ngoài. Ở giai đoạn từ 4 tuần tuổi trở lên, sức đề kháng của gà cao hơn nên TLNS khá ổn định. Trong nghiên cứu này, TLNS ở giai đoạn 0-9 tuần tuổi đạt trung bình 96,00% ở 3 lô thí nghiệm, kết quả này cao hơn so với công bố của Trần Kim Nhân và nnk (2010) [6] trên giống gà Ai Cập và cao hơn so với các giống gà địa phương như giống gà ri Lạc sơn, TLNS sau 15 tuần tuổi đạt 95,00% (Nguyễn Hoàng Thịnh và nnk, 2020) [7]. Điều này cho thấy, gà Ai Cập có khả năng thích nghi cao với điều kiện nuôi bán chăn thả ở khu vực Sơn La.

Bảng 2. Tỷ lệ nuôi sống gà Ai Cập qua các tuần tuổi (%)

Tuần tuổi	Lô 1		Lô 2		Lô 3		Tổng 3 lô	
	TLNS trong tuần (%)	TLNS cộng dồn (%)	TLNS trong tuần (%)	TLNS trong tuần (%)	TLNS cộng dồn (%)	TLNS cộng dồn (%)	TLNS trong tuần (%)	TLNS cộng dồn (%)
Ss - 1	98,00	98,00	100,00	100,00	100,00	100,00	99,33	99,33
1 - 2	97,96	96,00	98,00	100,00	100,00	98,00	98,66	98,00
2 - 3	97,92	94,00	97,96	98,00	98,00	96,00	96,67	96,00
3 - 4	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
4 - 5	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
5 - 6	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
6 - 7	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
7 - 8	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
8 - 9	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
9 - 10	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
10 - 11	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
11 - 12	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
12 - 13	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
13 - 14	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00
14 - 15	100,00	94,00	100,00	100,00	98,00	96,00	100,00	96,00

3.2. Khả năng sinh trưởng tích lũy của đàn gà Ai Cập qua các tuần tuổi tại trường Đại học Tây Bắc

Sinh trưởng tích lũy là khả năng tăng khối lượng (TKL) của cơ thể qua các tuần tuổi, là một tiêu chí vô cùng quan trọng trong đánh giá sinh trưởng của đàn gà. Khối lượng (KL) cơ thể gà là một trong những tính trạng di truyền số lượng quan trọng. Sự biến đổi KL cơ thể của đàn gà thí nghiệm qua các tuần tuổi phản ánh khả năng sử dụng thức ăn và tích lũy chất dinh dưỡng qua các thời kỳ sinh trưởng. Khả năng TKL của gà phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giống, thức ăn, chế độ chăm sóc và khả năng thích nghi với điều kiện môi trường. KL cơ thể trung bình đàn gà Ai Cập nuôi bán chăn thả tại Trường Đại học Tây Bắc.

Tuần tuổi	$\bar{X} \pm m_x$	Tuần tuổi	$\bar{X} \pm m_x$
1	54,83±1,11	9	655,18±2,25
2	93,28± 1,22	10	755,52±2,61
3	144,2± 1,14	11	860,54± 2,38
4	235,18± 1,37	12	973,96± 3,55
5	285,18± 0,29	13	1094,33±2,65
6	385,1± 12,36	14	1216,31±2,33
7	475,81 ± 2,75	15	1420,56±2,61
8	565,18±2,16		

Qua bảng số liệu cho thấy, KL cơ thể của đàn gà thí nghiệm tuân theo quy luật tăng dần qua các tuần tuổi. Ở giai đoạn sơ sinh KL gà Ai Cập còn khá bé, đạt trung bình 54,83g/con. Sang đến giai đoạn 2-3 tuần tuổi, KL gà Ai Cập tăng lên tương đối nhanh (gấp 3 lần so với KL giai đoạn sơ sinh), đạt 144,28g/con. KL tích lũy của toàn đàn tính trung bình đến tuần thứ 15 là 1420,56g/con. Độ dốc của đồ thị phản ánh tốc độ TKL của đàn gà thí nghiệm.

Sinh trưởng tích lũy của gà Ai Cập trong nghiên cứu này cao hơn so với các kết quả nghiên cứu khác. KL cơ thể gà Ai Cập giai đoạn 8-9 tuần tuổi nuôi tại trường Đại học Tây Bắc đạt 655,18 g, cao hơn so với công bố của tác giả Trần Kim Nhân và nnk (2010) [6]-579,37g. Tại thời điểm 14-15 tuần tuổi, KL cơ thể gà nuôi tại trường Đại học Tây Bắc đạt 1420,56g/con, chỉ tiêu này cao hơn so với kết quả công bố của Trần Kim Nhân và nnk

(2010) [6] gà giai đoạn 19 tuần tuổi đạt KL 1351,10g/con. Số liệu này thêm lần nữa minh chứng cho sự sinh trưởng thích nghi cao của giống gà Ai Cập với điều kiện khu vực nghiên cứu.

3.3. Khả năng sinh trưởng tuyệt đối của đàn gà Ai Cập qua các tuần tuổi tại trường Đại học Tây Bắc

Sinh trưởng (ST) tuyệt đối là sự tăng lên về KL, kích thước và thể tích cơ thể trong khoảng thời gian giữa hai lần khảo sát. Chỉ tiêu ST tuyệt đối cho biết khả năng sản xuất thịt của đàn gà Ai Cập trong một đơn vị thời gian. Để đánh giá chính xác về tăng trưởng của gà qua từng tuần tuổi chúng tôi tiến hành tính ST tuyệt đối, kết quả thu được ở bảng 4

Tuần tuổi	Sinh trưởng tuyệt đối (g/con/ngày)	Tuần tuổi	Sinh trưởng tuyệt đối (g/con/ngày)
1	7,83	9	12,86
2	5,49	10	14,34
3	7,29	11	15,00
4	12,99	12	16,20
5	7,14	13	17,20
6	14,29	14	17,43
7	12,76	15	29,17
8	12,96		

Số liệu ở bảng 4 cho thấy ST tuyệt đối của đàn gà Ai Cập tăng giảm không theo quy luật sinh trưởng của gia cầm, giá trị ST tuyệt đối tăng nhanh từ giai đoạn 2 đến 4 tuần tuổi, sau đó lại giảm ở tuần thứ 5. Trong quá trình theo dõi, ở tuần thứ 5 đàn gà bị mắc bệnh cầu trùng ở cả 3 lô thí nghiệm. Điều này là nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi giá trị ST tuyệt đối không theo quy luật. Từ tuần 7-15, giá trị ST tuyệt đối của gà tăng chậm, đạt giá cao nhất là 29,17 g/con/ngày.

3.4. Khả năng sinh trưởng tương đối của đàn gà Ai Cập qua các tuần tuổi tại trường Đại học Tây Bắc

Sinh trưởng (ST) tương đối của đàn gà được tính bằng phần trăm chênh lệch khối lượng giữa hai lần cân. ST tương đối biểu hiện tốc độ sinh trưởng của đàn gà sau một thời gian nuôi dưỡng. Qua chỉ tiêu này người chăn nuôi biết được mức ST của gà ở tuần tuổi sau so với tuần tuổi trước, từ đó quyết định thời điểm và biện pháp tác động phù hợp để có được tăng trọng của gà tốt nhất với lượng thức

ăn tiêu tốn ít nhất. Kết quả ST tương đối của gà thí nghiệm được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Sinh trưởng tương đối của đàn gà Ai Cập qua các tuần tuổi (%)

Tuần tuổi	Sinh trưởng tương đối (%)	Tuần tuổi	Sinh trưởng tương đối (%)
1	54,80	9	14,75
2	51,89	10	14,23
3	42,97	11	12,99
4	47,93	12	12,36
5	19,22	13	11,64
6	29,84	14	10,56
7	21,07	15	15,49
8	17,15		

Từ kết quả theo dõi về chỉ tiêu ST tương đối của gà thí nghiệm cho thấy thời gian nuôi càng kéo dài thì chỉ tiêu càng giảm, dẫn đến hiệu quả chăn nuôi giảm. ST tương đối cao nhất ở giai đoạn từ sơ sinh đến 1 tuần tuổi, đạt 54,48%; sau đó giá trị ST tuyệt đối có xu hướng giảm dần từ 51,89% ở tuần thứ 2 xuống thấp nhất là 10,56% ở tuần 14. Giá trị ST tương đối của gà thí nghiệm giảm dần qua các tuần tuổi và sự giảm này tuân theo quy luật ST của gia súc, gia cầm.

Bảng 6. Tiêu thụ thức ăn của đàn gà qua các tuần tuổi

Tuần tuổi	Lượng thức ăn thu nhận (g/con/ngày)	Tiêu tốn thức ăn (kg TA/kg TKL)
1	13,00	1,66
2	15,24	2,78
3	23,90	3,28
4	30,86	2,38
5	35,05	4,91
6	40,10	2,81
7	43,62	3,37
8	46,10	3,61
9	48,67	3,79
10	51,90	3,62
11	55,52	3,70
12	61,05	3,70
13	68,76	3,99
14	76,29	4,38
15	86,48	2,96
Trung bình		3,40

3.5. Tiêu thụ thức ăn của đàn gà Ai Cập qua các tuần tuổi tại trường Đại học Tây Bắc

Trong chăn nuôi, thức ăn chiếm tới 70 - 80 % giá thành sản phẩm, đây là chỉ tiêu quan trọng nhất để đánh giá hiệu quả sản xuất. Vật nuôi sử dụng thức ăn vào mục đích duy trì sự sống và tạo ra sản phẩm. Khả năng sử dụng thức ăn và hệ số chuyển hóa thức ăn của gia cầm phụ thuộc rất nhiều về giống, điều kiện môi trường, phương pháp nuôi dưỡng và chất lượng thức ăn. Kết quả theo dõi khả năng tiêu thụ thức ăn của đàn gà Ai Cập qua các tuần tuổi được thể hiện ở bảng 6.

Số liệu ở bảng 6 cho thấy, lượng thức ăn thu nhận (LTATN) của gà tăng lên theo độ tuổi. Khi đạt giá trị TKL nhất định, gà sẽ giảm LTATN để duy trì KL. LTATN tăng dần theo độ tuổi, đến tuần 15 là 86,48 g/con/ngày. Giá trị này là tương đối cao so với LTATN của các giống gà nội: gà ri 80,4 g/con/ngày (Nguyễn Hoàng Thịnh và nnk (2020) [7]), gà lông cầm 51,85 g/con/ngày (Nguyễn Bá Mùi và nnk (2012) [5]), gà Hồ lai 1/2 Lương Phượng 73,45 g/con/ngày (Bùi Hữu Đoàn và Hoàng Thanh (2011) [2]).

Tiêu tốn thức ăn (TTTA) tăng dần từ tuần 1 (1,66 kg TA/kg TKL) đến tuần 3 (3,28 kg TA/kg TKL). Sang tuần 4, TTTA giảm còn 2,38 kg TA/kg TKL. Giai đoạn từ 4- 15 tuần tuổi TTTA không đồng đều đạt cao nhất ở tuần thứ 5 (4,91kg TA/kg TKL). Giai đoạn từ 5-7 tuần tuổi, do gà bị mắc bệnh cầu trùng làm giảm lượng thức ăn tiêu tốn. Ở giai đoạn này, gà vẫn ăn nhưng khả năng TKL không cao. TTTA trung bình giai đoạn 1-15 tuần tuổi là 3,40 kg TA/kg TKL. TTTA của gà Ai Cập trong nghiên cứu này là cao hơn so với TTTA của gà Hồ (3,23 kg TA/kg TKL) giai đoạn 1 - 12 tuần tuổi nuôi theo phương thức bán công nghiệp (Bùi Hữu Đoàn và Nguyễn Xuân Lưu (2006) [3]); gà lông cầm giai đoạn 1 - 15 tuần tuổi TTTA là 3,34 kg TA/kg TKL (Nguyễn Bá Mùi và nnk (2012) [5]). TTTA của gà Ai Cập trong nghiên cứu này là thấp hơn so với TTTA của gà ri Lạc Sơn (3,59 kg TA/kg TKL) trong công bố của Nguyễn Hoàng Thịnh và nnk (2020) [7]).

4. KẾT LUẬN

Gà Ai Cập nuôi tại Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ, trường

đại học Tây Bắc có tỷ lệ nuôi sống ở cả 3 lô thí nghiệm khá cao, từ giai đoạn 3-15 tuần tuổi TLNS ổn định đạt giá trị 96,00%.

KL cơ thể của đàn gà thí nghiệm tuân theo quy luật tăng dần qua các tuần tuổi. KL tích lũy của toàn đàn tính trung bình đến tuần thứ 15 là 1420,56g/con.

ST tuyệt đối của đàn gà Ai Cập tăng giảm không theo quy luật sinh trưởng của gia cầm, giá trị ST tuyệt đối tăng nhanh từ giai đoạn 2 đến 4 tuần tuổi, sau đó lại giảm ở tuần thứ 5. Trong quá trình theo dõi, ở tuần thứ 5 đàn gà bị mắc bệnh cầu trùng. Điều này là nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi giá trị ST tuyệt đối không theo quy luật. Từ tuần 7 – 15, giá trị ST tuyệt đối của gà tăng chậm, đạt giá cao nhất là 29,17 g/con/ngày.

ST tương đối của gà thí nghiệm đạt giá trị cao nhất ở giai đoạn từ sơ sinh đến 1 tuần tuổi, đạt 54,48% và giảm dần từ 51,89% ở tuần thứ 2 xuống thấp nhất là 10,56% ở tuần 14.

LTATN của gà tăng lên theo độ tuổi. Khi đạt giá trị TKL nhất định, gà sẽ giảm LTATN để duy trì KL. LTATN tăng dần theo độ tuổi, đến tuần 15 là 86,48 g/con/ngày.

Tiêu tốn thức ăn (TTTA) tăng dần từ tuần 1 (1,66 kg TA/kg TKL) đến tuần 3 (3,28 kg TA/kg TKL). Giai đoạn từ 4- 15 tuần tuổi TTTA không đồng đều đạt cao nhất ở tuần thứ 5 (4,91 kg TA/kg TKL). TTTA trung bình giai đoạn 1-15 tuần tuổi là 3,40 kg TA/kg TKL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. **Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Thị Mai và Nguyễn Thanh Sơn** (2011), Một số chỉ tiêu nghiên cứu trong chăn nuôi gia cầm, NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2011, 119 tr.

[2]. **Bùi Hữu Đoàn và Hoàng Thanh** (2011), *Khả năng sản xuất và chất lượng thịt của tổ hợp gà lai kinh tế 3 giống (Mía - Hồ - Lương Phượng)*, Tạp chí Khoa học và Phát triển, 9(9), pp. 941-94.

[3]. **Bùi Hữu Đoàn và Nguyễn Xuân Lư** (2006), *Một số đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của gà Hồ*, Tạp chí KHKT Nông nghiệp, 4(4+5), pp. 95-99.

[4]. Nguyễn Quý Khiêm, Trần Ngọc Tiên, Phạm Thị Thùy Linh, Phạm Văn Tiêm, Nguyễn Thị Tinh (2020), *Đặc điểm di truyền về năng suất trứng cầu dòng gà AC1 và khối lượng trứng dòng gà AC2 qua 3 thế hệ*, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi, 261, pp. 2-6.

[5]. Nguyễn Bá Mùi, Nguyễn Chí Thành, Lê Anh Đức và Nguyễn Bá Hiếu (2012), *Đặc điểm ngoại hình và khả năng cho thịt của gà địa phương lông cầm tại Lục Ngạn, Bắc Giang*, Tạp chí KHPT, 10(7), pp. 978-85.

[6]. Trần Kim Nhân, Phạm Công Thiệu, Vũ Ngọc Sơn, Hoàng Văn Tiệp, Diêm Công Tuyền, Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thị Hồng (2010), *Năng suất và chất lượng trứng của gà lai giữa gà VN-G15 với gà Ai Cập*, Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi, 26, pp. 26-34.

[7]. Nguyễn Hoàng Thịnh, Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Thị Phương Giang (2020), *Khả năng sinh trưởng và chất lượng thịt của gà Ri Lạc Sơn*, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi, 256, pp. 14-18.

A STUDY ON THE GROWTH CHARACTERISTICS OF EGYPTIAN CHICKEN FROM 1 DAY TO 15 WEEKS OF AGE AT TAYBAC UNIVERSITY

Doan Thi Thuy Linh

Tay Bac University

Abstract: *Egyptian chicken is popular in the market due to their eggs of good quality, high yolk ratio, and pinkish white shell, matching consumers'taste. The experiment was conducted to evaluate the growth ability of Egyptian chickens from 1 day to 15 weeks old at Taybac University. The results show that at 15 weeks of age, the survival rate of Egyptian chicken is relatively high (96.00%) with weight of 1402.56 g. The average food consumption is 3.40 kg/1 kg weight gain during the period.*

Keywords: *growth, Egyptian chicken, food consumption*

Ngày nhận bài: 08/07/2021. Ngày nhận đăng: 24/12/2021.

Liên lạc: Đoàn Thị Thùy Linh, e - mail: doanthuylinh133@utb.edu.vn